

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TGP VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TGP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TGP PRODUCTION AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM TGP PRIMEX .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108999669

3. Ngày thành lập: 21/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 Ngõ 12 Lê Trọng Tấn, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm	4632
2.	Đào tạo trung cấp	8532
3.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Trồng cây ăn quả	0121
7.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
8.	Trồng cây điều	0123
9.	Trồng cây hồ tiêu	0124
10.	Trồng cây cao su	0125
11.	Trồng cây cà phê	0126
12.	Trồng cây chè	0127
13.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14.	Trồng cây lâu năm khác	0129
15.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
16.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
17.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

21.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	2599
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
24.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
25.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
26.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
27.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
28.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
29.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620(Chính)
34.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)	4652
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
40.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690

41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
44.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
46.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (trừ hoạt động dịch vụ Nhà nước cấm)	6209
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
58.	Quảng cáo	7310
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;	7490
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Đại lý du lịch	7911
62.	Điều hành tua du lịch	7912

63.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
65.	Giáo dục nhà trẻ	8511
66.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
67.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
68.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
69.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8560
70.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
71.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
72.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
73.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
74.	Trồng cây lấy sợi	0116

6. Vốn điều lệ: 3.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ HIỀN	Thôn Trung Thượng, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	37,500	001181005423	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	37,500		
2	BÙI QUANG HÙNG	Số 12 Ngõ 12 Đường Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố 1, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	31,250	B6948070	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	31,250		

3	BÙI QUANG VIỄN	Thôn Trung Thượng, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	31,250	111104002	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	31,250		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI QUANG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 30/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B6948070

Ngày cấp: 20/07/2012

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 Ngõ 12 Đường Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố 1, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 Ngõ 12 Đường Lê Trọng Tấn, Tổ dân phố 1, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: BÙI THỊ HIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 17/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181005423

Ngày cấp: 19/01/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Thượng, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P 2513 Tòa C, Vinaconex 2, Khu Đô Thị Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội